

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 6 - 2020

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Long và ông Y Míp Niê

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2020/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “ Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 10/2021/TB - TA ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Yến M (Sinh năm 1998, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T (Sinh năm 1993, vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Yến M trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Yến M kết hôn với anh Trần Văn T vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Hai người kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với gia đình, hay rượu chè, nghiện ngập. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Cao H, sinh ngày 23/3/2016, nếu ly hôn tôi xin được nuôi con và không đề nghị xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

+ Về phân chia tài sản và thanh toán nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2020 bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

. Anh công nhận anh và chị M đã đăng ký kết hôn vào năm 2016. Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hay cãi nhau, nhưng cuộc sống vợ chồng chưa mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Nguyên nhân chị M xin ly hôn là do anh phải đi

chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc. Do mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, nên chị M xin ly hôn thì anh không chấp nhận.

Về con chung: Anh công nhận anh và chị M có 01 con chung là cháu Trần Cao H, sinh ngày 23/3/2016. Nếu ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được nuôi con.

Về phân chia tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nên việc HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Trần Yến M, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh Trần Văn T; Về con chung: Giao cháu Trần Cao H, sinh ngày 23/3/2016 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Yến M vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Yến M và anh Trần Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị M đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Như vậy, tranh chấp giữa chị M và anh T là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Yến M và anh Trần Văn T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn và không chấp nhận ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì thực tế anh T và chị M không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Chị M cho rằng hai người hiện nay đã sống ly thân. Mặc dù tại Biên bản lấy lời khai anh T có ý kiến là không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị M, nhưng anh T cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên hòa giải. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc chị M yêu cầu ly hôn

là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là cháu Trần Cao H. Mặc dù cả chị M và anh T đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên quan xác minh tại địa phương thì anh T là người nghiện ma túy, đã từng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc và tại thời điểm xác minh thì anh T không cư trú ổn định tại địa phương. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao cháu H cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Về phân chia tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Yến M.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Yến M được ly hôn anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Cao H, sinh ngày 23/3/2016, cho chị Trần Yến M chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Trần Yến M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0009378 ngày 28/9/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã Đliê Ya;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc San